

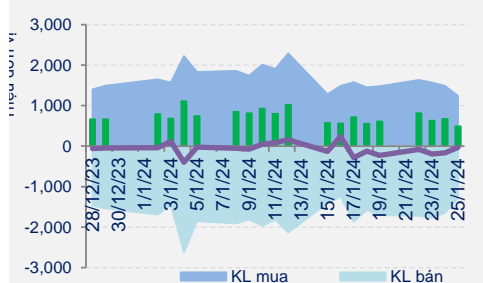
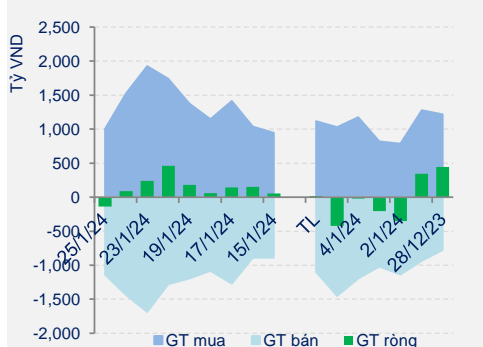
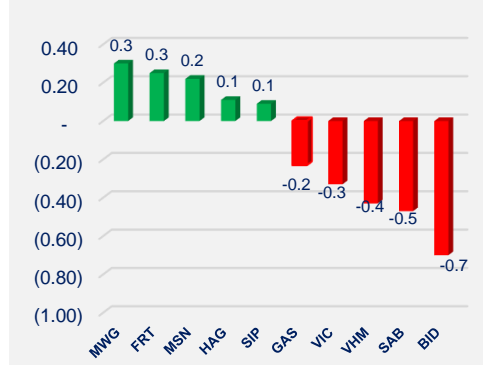
MARKET LENS

25/1/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,170.37	228.52
% Thay đổi	↓ -0.22%	↓ 0.00%
KLGD (CP)	491,865,491	45,445,347
GTGD (tỷ đồng)	11,329.17	795.06
Tổng cung (CP)	1,275,455,431	112,252,900
Tổng cầu (CP)	1,242,318,613	87,184,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	31,293,642	509,803
KL mua (CP)	30,384,356	554,520
GT mua (tỷ đồng)	1,004.73	22.65
GT bán (tỷ đồng)	1,140.81	13.43
GT ròng (tỷ đồng)	(136.07)	9.22

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


Với tâm lý thận trọng VN-INDEX có phiên thứ 03 liên tiếp chịu áp lực điều chỉnh với xu hướng kiểm tra lại đường giá trung bình MA-20 phiên quanh 1.160 -1.165 điểm. Kết phiên VN-INDEX giảm 2,60 điểm (-0,22%) về mức 1.170,37 điểm. HNX-INDEX cũng giảm phiên thứ ba liên tiếp 0,01 điểm về mức 228,52 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết vẫn tiêu cực khi có 378 mã giảm giá (02 mã giảm sàn), giảm so với phiên trước, 221 mã tăng giá (11 mã tăng trần) và 175 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết chỉ đạt 12.119 tỷ đồng, giảm khá mạnh 27,8% so với phiên trước, dưới mức trung bình, trong đó khối lượng giao dịch VN-INDEX giảm 29,47% cho thấy thị trường dần phân hóa hơn, áp lực điều chỉnh giảm. Khối ngoại giảm tỷ trọng giao dịch, ngắt mạch mua ròng khi bán ròng trở lại với giá trị 136,07 tỷ đồng, tập trung bán ròng ở nhóm ngân hàng, bán lẻ; mua ròng trở lại trên HNX với giá trị 9,22 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận những thông tin như: Trong cuộc họp báo ngày 24/01/2024, Thống đốc NHTW Trung Quốc cho biết động thái hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc từ ngày 05/02 sẽ bơm thêm 1 ngàn tỷ Nhân dân tệ (139 tỷ USD) thanh khoản dài hạn vào thị trường. Trong quá khứ, hiếm khi Thống đốc Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBoC) báo trước sẽ giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc trong một cuộc họp báo; Chứng khoán Mỹ sẽ rút ngắn chu kỳ thanh toán từ T+2 về T+1 đối với các giao dịch cổ phiếu, trái phiếu và quỹ ETF từ ngày 28/5/2024.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh sau sau giai đoạn tăng giá mạnh, hầu hết giảm điểm, thanh khoản giảm mạnh và là một phần nguyên nhân chính dẫn tới thanh khoản thị trường suy giảm như ABB (-2,41%), VIB (-1,20%), BID (-1,02%), TPB (-0,82%)... ngoài các mã tăng giá nhẹ SGB (+3,08%), KLB (+1,69%), LPB (+0,87%)... Các mã dịch vụ tài chính, chứng khoán có diễn biến phân hóa tích cực hơn khi một số mã vẫn duy trì tăng điểm vượt và hướng đến vùng giá đỉnh tháng 9/2023, thời điểm VN-INDEX 1.250 điểm như CTS (+1,57%), VIG (+1,30%), MBS (+1,23%), HCM (+0,38%)... trong khi đa số chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản giảm.

Các cổ phiếu bất động sản phân hóa tích cực trở lại khi nhiều mã bắt đầu phục hồi, tăng giá tích cực như NTL (+5,65%) khi kết quả kinh doanh quý IV/2023 tăng trưởng đột biến, NBB (+1,99%), KDH (+0,97%), NLG (+0,52%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh như FIR (-2,80%), SJS (-1,89%), HQC (-1,18%)...

Mặc dù thị trường có diễn biến giao dịch chậm, thanh khoản suy giảm khá nhanh, tuy nhiên trong những nhóm ngành vẫn có nhiều cổ phiếu nổi bật như ở khu công nghiệp D2D (+6,88%), SIP (+2,81%).. bán lẻ FRT (+6,94%).. dịch vụ hàng không ACV (+4,22%), hóa chất CSV (+3,0%)....

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2402 giảm 0,2 điểm (-0,02%) chênh lệch dương gia tăng 2,98 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 9,53% so với phiên trước, dưới mức trung bình. Khối lượng mở OL giảm. VN30F2402 duy trì xu hướng tăng trưởng ngắn hạn trên vùng hỗ trợ quanh 1.175 điểm - 1.180 điểm, vùng kháng cự gần nhất 1.185 -1.190 điểm. Các kỳ hạn VN30F2403, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 3,38 điểm đến -2,72 điểm so với VN30. Ba kỳ hạn chênh lệch dương, cho thấy các trader vẫn khá lạc quan với xu hướng ngắn hạn của VN30, kỳ vọng VN30 phục hồi, đang ưu tiên vị thế đóng các vị thế mua ngắn hạn, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục diễn biến giảm điểm nhẹ trong phiên hôm nay và là phiên thứ 3 liên tiếp điều chỉnh sau khi tăng điểm tới gần ngưỡng kháng cự tâm lý 1.200 điểm. Chốt phiên thị trường giảm - 2,60 điểm (-0,22%) và đóng cửa ở 1.170,37 điểm.

Trong ngắn hạn thị trường đang điều chỉnh trước ngưỡng kháng cự tâm lý như chúng tôi đã dự báo, vận động bình thường. Trong trường hợp tiêu cực, VN-Index có thể kiểm định lại vùng 1.150 điểm - 1.160 điểm trước đó. Chúng tôi cho rằng thị trường sẽ trở lại tích cực sau điều chỉnh và hoàn toàn có khả năng vượt ngưỡng cản tâm lý 1.200 điểm trong thời gian tới.

Xu hướng trung hạn của thị trường duy trì đi tìm vùng tích lũy cân bằng lại, kỳ vọng trong vùng 1.150 điểm - 1.250 điểm và quá trình này dự báo sẽ kéo dài.

Thị trường vẫn đang trong giai đoạn điều chỉnh, nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục nắm giữ danh mục tỷ trọng thấp và chỉ nên giải ngân nếu thị trường kiểm định thành công vùng hỗ trợ và có tín hiệu tăng trở lại. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục chiến lược mua tích lũy dần các cổ phiếu mục tiêu do thị trường sẽ cần nhiều thời gian để hình thành nền tảng tích lũy mới.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

25/1/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DPM	32.35	31-33	38-39	29	8.1	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
DRC	27.75	25-26.3	29.5-30.5	23	14.1	-1.5%	17.0%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	26.00	22.3	28-28.5	25	16.6%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	48.15	45.1	52-53	48	6.8%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	27.55	27.55	30-31	26.5	0.0%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.70	18.09	23-24	19	8.9%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Giá xăng tăng gần 1.000 đồng một lít

Mỗi lít xăng tăng 760-920 đồng, các mặt hàng dầu (trừ mazut) cũng thêm 10-180 đồng tùy loại, từ 15h hôm nay. Theo điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính hôm nay, giá xăng RON 95-III (loại phổ biến trên thị trường) tăng 920 đồng, lên mức 23.400 đồng một lít; E5 RON 92 tăng 760 đồng, lên 22.170 đồng một lít. Tương tự, các mặt hàng dầu cũng tăng giá (trừ dầu mazut) và có giá mới 20.540 - 20.370 đồng một lít so với cách đây 7 ngày. Đây là lần thứ 3 từ đầu năm, giá xăng trong nước tăng giá. Kỳ điều hành hôm nay, liên Bộ tiếp tục không trích, chi sử dụng từ Quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Giá USD tự do tăng 1,7% kể từ đầu năm 2024

Sau những tháng cuối năm 2023 tương đối ổn định do được hỗ trợ bởi nhiều thông tin tích cực, tỷ giá VND/USD đã "tăng nhiệt" trong tháng 1/2024. Một phần do nhu cầu tăng vào cận Tết nguyên đán, cộng với những yếu tố chưa chắc chắn về lộ trình cắt giảm lãi suất của FED. Tuy nhiên, các chuyên gia đều nhận định áp lực tăng tỷ giá chỉ là nhất thời... Sáng 25/1, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm ở mức 24.031 VND/USD, tăng 1 đồng mỗi USD so với phiên 24/1. Tỷ giá USD tham khảo tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước niêm yết ở mức 23.400 – 25.181 đồng/USD (mua – bán), đi ngang chiều mua và chiều bán ra so với phiên trước đó.

Trung Quốc tuyên bố nới lỏng chính sách, dự kiến bơm 140 tỷ USD vào thị trường

Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc cho biết vẫn còn dư địa để nới lỏng chính sách tiền tệ hơn nữa. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) hôm thứ Tư tuyên bố sẽ cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc (RRR) của các tổ chức tài chính đủ điều kiện trong nước khoảng 50 điểm cơ bản từ ngày 5/2 – một nỗ lực nhằm dập tắt sự hoảng loạn trên thị trường và vực dậy niềm tin của nhà đầu tư. Phát biểu trong một cuộc họp báo ở Bắc Kinh, Thống đốc PBoC Pan Gongsheng cho biết việc cắt giảm 50 điểm cơ bản đối với tỷ lệ dự trữ bắt buộc dự kiến sẽ bơm 1 nghìn tỷ nhân dân tệ (140 tỷ USD) thanh khoản vào thị trường.

Cải cách tiền lương phải đi kèm chính sách an sinh'

Theo Thường trực Ban Bí thư Trương Thị Mai, cải cách tiền lương phải gắn liền với chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp người có công... "Cải cách tiền lương không phải chỉ lo cho bộ máy hệ thống chính trị mà cả người hưởng lương hưu, người có công và nhiều chính sách an sinh xã hội khác nhằm cải thiện, nâng cao đời sống người dân", bà Trương Thị Mai, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng ban Tổ chức Trung ương nói tại Hội nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, sáng 24/1.

TIN DOANH NGHIỆP**ANV lỗ hơn nửa tỷ trong quý 4/2023, không hoàn thành mục tiêu cả năm**

Do ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới, lượng bán tăng nhưng giá bán chưa hồi phục so với cùng kỳ, CTCP Nam Việt (HOSE: ANV) lỗ ròng gần 518 triệu đồng trong quý 4/2023. Quý 4, doanh thu thuần của ANV ở mức 1,111 tỷ đồng, giảm 3% so với cùng kỳ. Mặc dù doanh thu ở thị trường nội địa tăng đến 80% (369 tỷ đồng) nhưng không đủ bù đắp cho sự sụt giảm 21% của hàng xuất khẩu (742 tỷ đồng). Lãi trước thuế 2023 ghi nhận 68 tỷ đồng, giảm 91%. So với mục tiêu 300 tỷ đồng lãi trước thuế, ANV chỉ thực hiện được 23% và không hoàn thành kế hoạch.

IJC có năm 2023 đi lùi dù lãi ròng gấp đôi trong quý 4

Dù lãi gấp đôi trong quý 4 nhưng CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (HOSE: IJC) vẫn không thể đạt được kết quả tăng trưởng trong năm 2023. Cụ thể, trong quý 4/2023, doanh thu thuần của IJC đạt hơn 238 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ. Doanh thu từ kinh doanh bất động sản chiếm hơn 78 tỷ đồng, trong đó gần 30 tỷ đồng đến từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (HOSE: TDC) - đơn vị cùng công ty mẹ. Đáng chú ý là IJC không ghi nhận bất kỳ doanh thu nào từ hoạt động xây dựng (cùng kỳ gần 26 tỷ đồng).

PVChem lỗ nhẹ trong quý 4

Tỷ trọng chi phí lớn bào mòn lợi nhuận của Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP (PVChem, HNX: PVC), khiến Doanh nghiệp lỗ ròng trong quý 4/2023. Tuy nhiên, lũy kế cả năm, Doanh nghiệp vẫn có lãi tăng trưởng và vượt kế hoạch. Trong quý 4, PVC đạt doanh thu hơn 1 ngàn tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ. Tuy vậy, giá vốn cũng tăng 7%, lên 954 tỷ đồng. Sau khi khấu trừ, Doanh nghiệp lãi gộp 57 tỷ đồng, thấp hơn cùng kỳ 12%.

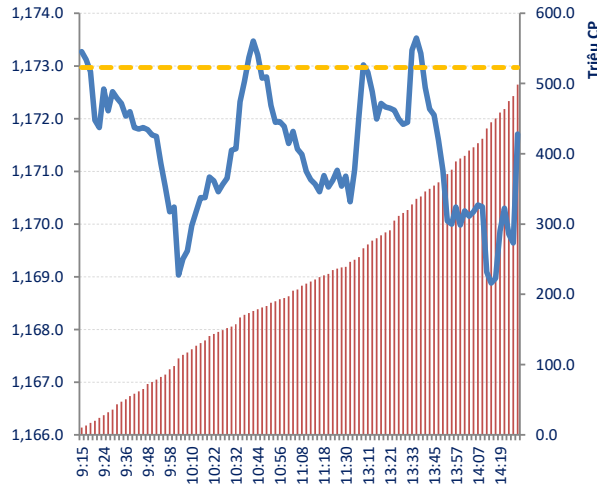
Lãi ròng quý 4 của L14 chỉ bằng 1/4 cùng kỳ

Trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường, CTCP Licogi 14 (HNX: L14) công bố BCTC quý 4/2023 với lãi ròng gần 9 tỷ đồng, kém 75% so với cùng kỳ năm trước. Quý 4, L14 ghi nhận doanh thu thuần hơn 67 tỷ đồng, tăng 52% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, giá vốn neo cao nên sau khấu trừ, lãi gộp Doanh nghiệp chỉ hơn 6 tỷ đồng, giảm 68%. Qua đó, biên lãi gộp cũng giảm từ 46% cùng kỳ xuống còn 10%. Cuối cùng, L14 báo lãi ròng gần 9 tỷ đồng, giảm 75% so với cùng kỳ. Lũy kế cả năm 2023, lãi ròng đạt hơn 24 tỷ đồng, tăng 26% so với năm trước.

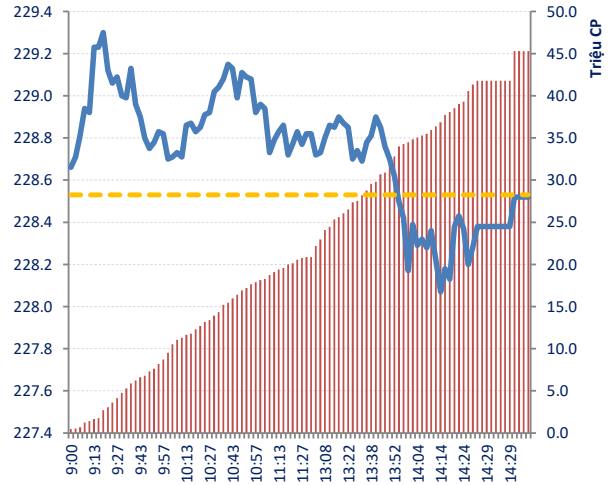


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

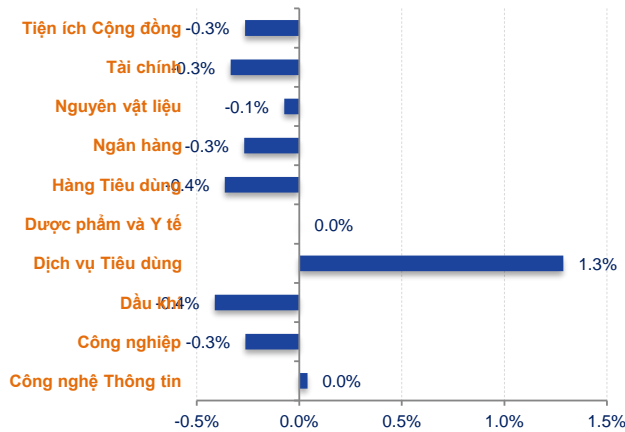
KLGD và VN-Index trong phiên



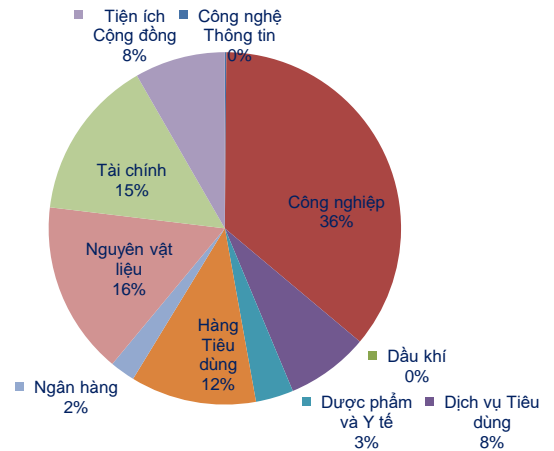
KLGD và HNX-Index trong phiên



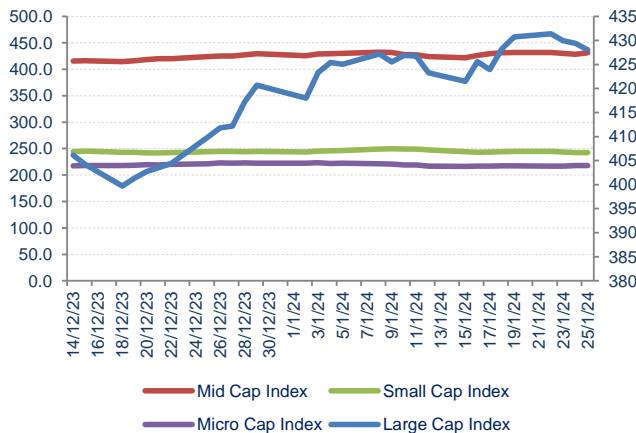
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



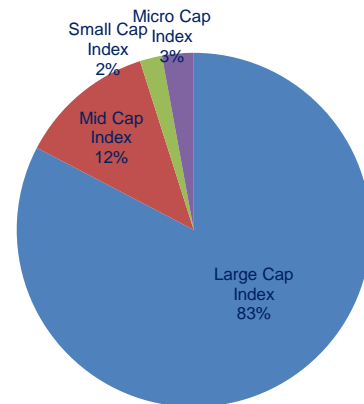
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	2,477,303	TPB	1,867,909
2	VRE	2,177,614	VND	1,404,545
3	CTG	1,268,157	STB	1,277,800
4	VCG	1,221,396	SAB	1,022,200
5	VPB	1,145,800	VNM	878,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	306,200	MBS	224,800
2	PVS	70,000	EID	51,000
3	DHT	46,100	DXP	22,289
4	IDJ	31,000	NVB	21,000
5	BVS	8,100	SD6	20,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	12.20	12.25	↑ 0.41%	27,645,300
EIB	19.60	19.70	↑ 0.51%	20,601,600
STB	30.75	30.50	↓ -0.81%	17,446,300
HPG	28.25	28.25	→ 0.00%	15,727,000
MBB	21.90	21.90	→ 0.00%	14,809,100

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.40	18.40	→ 0.00%	6,000,044
CEO	21.70	21.60	↓ -0.46%	3,817,719
MBS	24.40	24.70	↑ 1.23%	3,296,553
TTH	3.90	4.20	↑ 7.69%	2,521,324
PVS	36.90	36.80	↓ -0.27%	2,252,073

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GMC	7.60	8.13	0.53	↑ 6.97%
FRT	99.40	106.30	6.90	↑ 6.94%
D2D	26.15	27.95	1.80	↑ 6.88%
QNP	29.95	32.00	2.05	↑ 6.84%
VSI	17.00	18.15	1.15	↑ 6.76%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PIA	27.10	29.80	2.70	↑ 9.96%
BDB	10.20	11.20	1.00	↑ 9.80%
DVG	3.10	3.40	0.30	↑ 9.68%
V21	6.40	7.00	0.60	↑ 9.38%
HGM	44.00	48.00	4.00	↑ 9.09%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
STG	48.40	45.50	-2.90	↓ -5.99%
ST8	20.00	18.90	-1.10	↓ -5.50%
L10	18.65	17.70	-0.95	↓ -5.09%
CVT	31.15	29.80	-1.35	↓ -4.33%
TRC	32.90	31.50	-1.40	↓ -4.26%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VCM	15.20	13.70	-1.50	↓ -9.87%
TKG	12.70	11.50	-1.20	↓ -9.45%
ATS	19.80	18.00	-1.80	↓ -9.09%
TTL	9.80	9.00	-0.80	↓ -8.16%
RCL	13.70	12.60	-1.10	↓ -8.03%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	27,645,300	15.9%	2,036	6.0	0.9
EIB	20,601,600	8.3%	1,013	19.3	1.3
STB	17,446,300	17.5%	3,825	8.0	1.3
HPG	15,727,000	1.9%	322	87.8	1.6
MBB	14,809,100	22.4%	4,290	5.1	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	6,000,044	5.7%	688	26.8	1.5
CEO	3,817,719	6.7%	955	22.7	1.8
MBS	3,296,553	12.3%	1,334	18.3	2.1
TTH	2,521,324	4.4%	487	8.0	0.3
PVS	2,252,073	6.7%	1,846	20.0	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
GMC	↑ 7.0%	-24.1%	(3,129)	-	0.6
FRT	↑ 6.9%	-7.8%	(1,103)	-	7.5
D2D	↑ 6.9%	2.6%	840	31.1	0.8
QNP	↑ 6.8%	14.0%	2,779	10.8	1.5
VSI	↑ 6.8%	13.2%	1,958	8.7	1.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PIA	↑ 10.0%	19.2%	3,378	8.0	1.5
BDB	↑ 9.8%	6.8%	837	12.2	0.8
DVG	↑ 9.7%	0.5%	49	62.6	0.3
V21	↑ 9.4%	0.0%	5	1,301.5	0.6
HGM	↑ 9.1%	28.8%	4,577	9.6	2.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	2,477,303	1.9%	322	87.8	1.6
VRE	2,177,614	11.8%	1,818	13.2	1.5
CTG	1,268,157	15.7%	3,377	9.5	1.3
VCG	1,221,396	2.8%	516	48.9	1.3
VPB	1,145,800	9.7%	1,461	13.4	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	306,200	17.0%	3,177	15.9	3.0
PVS	70,000	6.7%	1,846	20.0	1.3
DHT	46,100	9.1%	1,147	21.7	1.9
IDJ	31,000	4.0%	460	12.6	0.5
BVS	8,100	8.7%	2,710	9.6	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	509,166	22.6%	6,013	15.2	3.2
BID	278,751	17.6%	3,450	14.2	2.1
VHM	185,061	25.0%	9,468	4.5	1.0
GAS	174,093	19.0%	5,283	14.3	2.3
CTG	171,840	15.7%	3,377	9.5	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,637	6.7%	1,846	20.0	1.3
HUT	17,404	0.8%	122	160.2	1.6
IDC	16,665	17.0%	3,177	15.9	3.0
SHS	14,962	5.7%	688	26.8	1.5
THD	13,590	2.9%	460	76.8	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CTS	2.45	9.6%	1,261	22.8	2.1
GEX	2.43	2.0%	511	42.0	0.8
FCN	2.41	1.1%	232	62.0	0.7
FTS	2.35	12.7%	2,074	21.9	2.7
DGW	2.26	16.6%	2,559	20.9	3.3

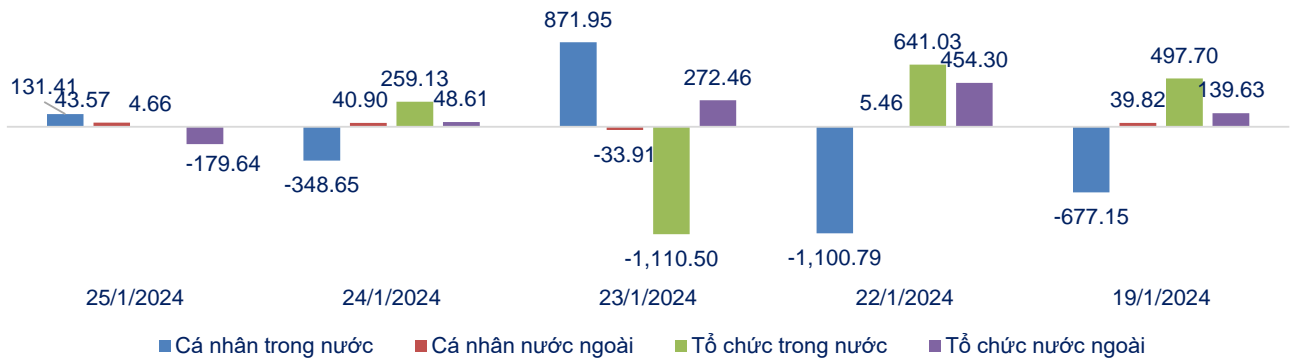
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.73	6.2%	560	23.9	1.2
SHS	2.43	5.7%	688	26.8	1.5
VIG	2.30	9.6%	685	11.2	1.0
MBS	2.18	12.3%	1,334	18.3	2.1
DTD	2.16	17.8%	4,005	6.1	0.9



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	60.89	24.4%	4,029	16.7	4.1
SAB	60.55	16.5%	3,286	18.4	1.5
DGC	52.78	27.2%	8,186	10.9	2.8
DBC	38.56	-1.3%	(250)	-	1.3
STB	34.58	17.5%	3,825	8.0	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-99.29	8.9%	1,346	25.3	2.2
HPG	-90.65	1.9%	322	87.8	1.6
HSG	-61.18	0.3%	49	469.1	1.3
VCG	-56.31	2.8%	516	48.9	1.3
EIB	-38.35	8.3%	1,013	19.3	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	35.81	22.3%	4,815	19.7	4.2
VNM	6.18	24.4%	4,029	16.7	4.1
SSI	3.89	8.9%	1,346	25.3	2.2
FIR	2.65	1.9%	217	49.2	0.9
HAH	2.20	16.3%	4,525	8.6	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-8.98	13.0%	1,657	13.3	1.6
FRT	-1.24	-7.8%	(1,103)	-	7.5
REE	-1.07	12.1%	5,879	9.7	1.1
TPB	-0.81	13.7%	2,019	9.1	1.2
E1VFN30	-0.65	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	68.61	8.9%	1,346	25.3	2.2
HSG	48.95	0.3%	49	469.1	1.3
KBC	31.02	7.6%	1,892	16.1	1.2
AAA	30.98	1.5%	255	37.7	0.6
VCG	25.57	2.8%	516	48.9	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-59.28	15.7%	3,377	9.5	1.3
VRE	-46.98	11.8%	1,818	13.2	1.5
DBC	-37.80	-1.3%	(250)	-	1.3
MBB	-27.90	22.4%	4,290	5.1	1.2
TCB	-20.99	14.7%	5,118	6.9	0.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	68.01	1.9%	322	87.8	1.6
VRE	53.15	11.8%	1,818	13.2	1.5
CTG	41.44	15.7%	3,377	9.5	1.3
VCB	31.69	22.6%	6,013	15.2	3.2
VCG	30.93	2.8%	516	48.9	1.3

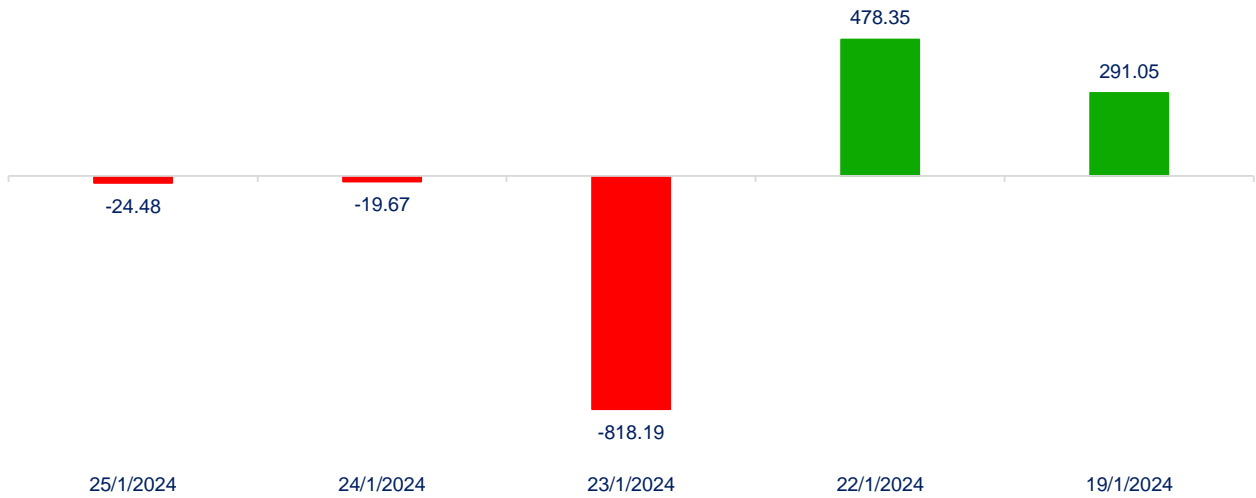
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-64.97	24.4%	4,029	16.7	4.1
SAB	-60.91	16.5%	3,286	18.4	1.5
DGC	-60.76	27.2%	8,186	10.9	2.8
STB	-39.34	17.5%	3,825	8.0	1.3
FPT	-35.82	22.3%	4,815	19.7	4.2



THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn